

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HS-ST
Ngày: 19/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thu Hồng
2. Ông Lê Anh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung; Ông **Trương Phạm Duy T**; Bà **Trần Thị Minh T1** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2024/TLST-HS ngày 02/8/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HS ngày 06/8/2024, đối với bị cáo:

1. Trần Thị Kim T2, sinh năm 2001 tại tỉnh Long An; nơi cư trú: **ấp B, xã B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn X**, sinh năm: 1976 và bà **Nguyễn Thị Thu T3**, sinh năm 1984; chồng: **Phạm Thanh Bình A**, sinh năm 1995; con: có 02 người con sinh năm 2019 và năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 05/7/2024 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và 3.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 107/QĐ-XPHC). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/02/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

2. Trần Thanh Đ, sinh năm 2003 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: buôn bán; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Thanh Q**, sinh năm 1967 và bà **Nguyễn Thị Thanh T4**, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 17/8/2022 bị **Ủy ban nhân dân huyện B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 43/QĐ-XPHC, đã đóng phạt); Ngày 05/7/2024 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và 3.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 106/QĐ-XPHC). Bị cáo bị

tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 09/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

3. **Kiều Thị Kim Y**, sinh năm 1999 tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: **ấp A, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Kiều Văn H**, sinh năm 1969 và bà **Trần Thị N**, sinh năm 1978; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 05/7/2024 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và 3.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 108/QĐ-XPHC). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 09/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

4. **Lâm Thị Ngọc H1**, sinh năm 2004 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số E, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1974 và bà **Lâm Thị Ngọc H2**, sinh năm 1974; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 05/7/2024 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và 3.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 111/QĐ-XPHC). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 09/02/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

5. **Phùng Đức T5**, sinh năm 2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **số A, Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phùng Thiện A1**, sinh năm 1967 và bà **Bùi Kim C**, sinh năm: 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không nhân thân: Ngày 05/7/2024 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và 3.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 109/QĐ-XPHC). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/02/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. **Nguyễn Thị Thanh N1**, sinh năm 1990; nơi cư trú: **ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Có mặt

2. **Hồ Thị Ngọc O**, sinh năm 1995; nơi cư trú: **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang**. Có mặt

3. **Trần Thị Tường V**, sinh năm 2004; nơi cư trú: **ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

4. **Nguyễn Văn K**, sinh năm 2002; nơi cư trú: **số 281/TD, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**. Vắng mặt

5. **Chế Hoài T6**, sinh năm 2000; nơi cư trú: **số 292/TT, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre**. Có mặt

6. Lê Văn C1, sinh năm 2004; nơi cư trú: số D, ấp T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Có mặt
7. Cao Minh Ý, sinh năm 2005; nơi cư trú: số A, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt
8. Lê Thành L, sinh năm 2002; nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. Có mặt
9. Bùi Quang V1, sinh năm 2002; nơi cư trú: số A, đường L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Có mặt
10. Mai Thị T7, sinh năm 1982; nơi cư trú: số A, khu phố D, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt
11. Trương Quốc K1, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Vắng mặt
12. Phạm Trần Hồng N2, sinh năm 2002; nơi cư trú: số C, ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Có mặt
13. Phạm Quốc T8, sinh năm 2000; nơi cư trú: số D, ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có mặt
14. Ngô Bảo T9, sinh năm 2002; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân có nhiều đối tượng tụ tập gây mất an ninh trật tự tại nhà trọ M1, địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố B do chị Mai Thị T7, sinh năm: 1982, ĐKTT: Số A, Khu phố D, Phường G, thành phố B làm chủ, khoảng 10 giờ ngày 05/02/2024, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B phối hợp Công an xã B, thành phố B tiến hành kiểm tra Nhà trọ M1, phát hiện tại phòng E8, nhà trọ Mai P1 5 do Trần Thị Kim T2, sinh năm: 2001, ĐKTT: ấp B, xã B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và và bạn trai của T2 tên Phạm Quốc T8, sinh năm: 2000, ĐKTT: Số D, ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre thuê để ở có nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Trần Thị Kim T2; Trần Thanh Đ, sinh năm: 2003, ĐKTT: Số 831/TB, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nguyễn Văn K, sinh năm: 2002, ĐKTT: Số 281/FD, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Ché Hoài T6, sinh năm: 2000, ĐKTT: Số 292/TT, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Lê Văn C1, sinh năm: 2004, ĐKTT: ấp A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm: 1990, ĐKTT: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Hồ Thị Ngọc O, sinh năm: 1995, ĐKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Trần Thị Tường V, sinh năm: 2004, ĐKTT: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tiếp tục kiểm tra phòng ngủ của Phòng E8, Nhà trọ Mai P1 5 phát hiện: Trên nền gạch, có 01 (một) bàn DJ màu đen (bàn điều chỉnh âm thanh), có chữ PIONEER DJ XDJ-RX3, 02 (hai) loa phát nhạc màu đen, có chữ ROXIT 5, 01 (một) đèn chiếu,

màu đen, 01 (một) đĩa sứ màu trắng, trên đĩa có chất màu trắng nghi là ma túy, 01 (một) thẻ nhựa màu trắng kích thước 8,5cmx5,5cm, trên thẻ có chữ BURBERRY, 01 (một) tờ tiền polymer Việt Nam đồng mệnh giá 10.000 đồng được quần lại dạng ống hút. Trên bàn nhựa kích thước 55cmx36cmx16cm có một đĩa sứ màu trắng, trên đĩa có thẻ nhựa có chữ A2 và 01 (một) ống hút nhựa màu đen.

Trần Thanh Đ khai nhận chất rắn màu trắng còn lại trên đĩa sứ màu trắng trên nền gạch trong phòng ngủ của phòng E8, nhà trọ Mai P1 5 là ma túy dạng Khây, của Đ đem đến cho mọi người sử dụng. Cơ quan điều tra Công an thành phố B tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thanh Đ về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Vật chứng thu giữ: Chất rắn màu trắng trên đĩa để trên nền gạch; 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 23cm, cao 04cm; 01 (một) thẻ nhựa màu trắng trên thẻ có chữ BURBERRY; 01 (một) tờ tiền polymer Việt Nam đồng mệnh giá 10.000 đồng được quần hình tròn; 02 (hai) thùng loa màu đen, kích thước 19cm x 22cm x 27cm; 01 (một) đĩa sứ màu trắng, đường kính 15cm, cao 2,5cm; 01 (một) thẻ nhựa màu cam, trên thẻ có chữ A2; 01 (một) ống hút nhựa màu đen dài 12cm; 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín 3 phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch màu xanh, kích thước 4,5cm x 04cm, bên trong rỗng; 01 (một) bàn DJ, màu đen, có chữ PIONEER DJ XDJ-RX3, kích thước 73cm x 37cm, cao 07cm; 02 (hai) loa phát nhạc, màu đen, kích thước 19cm x 12cm x 27cm; 02 (hai) đèn chớp; 01 (một) điện thoại di động Iphone 15 Pro Max, màu đen, số I: 355975762561615; 01 (một) điện thoại di động Iphone 11, màu đen, số I: 355608702631640.

Trần Thị Kim T2, Trần Thanh Đ, Nguyễn Văn K, Chế Hoài T6, Lê Văn C1, Nguyễn Thị Thanh N1, Hồ Thị Ngọc O, Trần Thị Tường V cùng khai nhận: tối ngày 04/02/2024, Đ cùng với Lê Văn C1, Nguyễn Văn K, Chế Hoài T6, Trần Thị Tường V và một số người khác (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) đến Quán K2 ở Phường F, thành phố B để hát Karaoke. Trong lúc hát Karaoke, cả nhóm có sử dụng ma túy nhưng không biết rõ nguồn gốc ma túy của ai. Đến sáng thì cả nhóm trả phòng hát, thanh toán tiền và ra về. Lúc này, Trần Thanh Đ thấy ma túy còn dư lại trên đĩa nên đã lấy bỏ vào túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch màu xanh để cất giấu với mục đích để dành sử dụng. Trong lúc Đ lấy ma túy thì C1, K, T6 không thấy. Khi ra khỏi quán thì Đ rủ C1, K, T6 tiếp tục đi hát và uống bia, cả nhóm đồng ý. Lúc này, C1 liên hệ với Trần Thị Kim T2 để rủ đi hát nhưng do không có phòng nên T2 kêu đến phòng E8, nhà trọ Mai P1 5 của T2 thuê ở để chơi. Đ, K, C1, T6 thuê xe taxi đến Nhà T, trên đường đi thì C1 rủ thêm Trần Thị Tường V đến để phục vụ rót bia. Khi đến phòng E8 nhà trọ M, lúc này phòng E8 có Tho và Nguyễn Thị Thanh N1. Trần Thanh Đ liên hệ Cao Minh Ý, sinh năm: 2005, ĐKTT: Số A, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre thuê bàn DJ, loa phát nhạc và đèn chớp để vừa sử dụng ma túy, vừa nghe nhạc. Đ đem túi ma túy lấy từ Karaoke N ra. T2 thấy vậy đến phòng E7 gặp Phùng Đức T5 để mượn một đĩa sứ. Tho mang đĩa sứ lớn để trong phòng, Đ cho ma túy ra đĩa sứ và sử dụng trước, sau đó lần lượt C1, K, T6, T2, N1 và V sử dụng. Trong lúc cả nhóm đang sử dụng thì C1 nói với T2 kêu thêm người đến phục vụ nên T2 liên hệ với Hồ Thị Ngọc O đến. Khi O đến thấy ma túy có sẵn và tự lấy sử dụng, không có ai rủ O sử dụng. Cả nhóm sử dụng ma túy đến khoảng 10 giờ thì Cơ

quan điều tra Công an thành phố B kiểm tra phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thanh Đ, Trần Thị Kim T2 về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Kết quả kiểm tra ma túy đối với Trần Thị Kim T2, Trần Thanh Đ, Nguyễn Thị Thanh N1, Hồ Thị Ngọc O, Trần Thị Tường V, Nguyễn Văn K, Chế Hoài T6, Lê Văn C1 kết quả tất cả những đối tượng nêu trên đều dương tính với ma túy loại Ketamine.

Trong lúc T2 và các đối tượng nêu trên sử dụng trái phép chất ma túy thì Phạm Quốc T8 không có ở phòng trọ, do mâu thuẫn với T2 từ trước nên T8 đã dọn đi trước ngày 05/02/2024 khoảng 05 ngày.

Kết luận giám định số 107/2024/KL-KTHS ngày 08/02/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận: Chất màu trắng đựng trong một túi nylon màu trắng được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,7755 gam.

H3 lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B mẫu vật sau giám định được niêm phong lại có khối lượng: 0,6555 gam.

Ngoài hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nêu trên, khoảng 10 giờ ngày 05/02/2024, Cơ quan điều tra Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang tại phòng E10, nhà trọ Mai P1 5 do Kiều Thị Kim Y, sinh năm: 1999, ĐKTT: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và bạn trai của Y tên Ngô Bảo T9, sinh năm: 2002, ĐKTT: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre thuê để 2 người ở có các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy gồm: Kiều Thị Kim Y; Lâm Thị Ngọc H1, sinh năm: 2004; ĐKTT: Số E, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Lê Thành L, sinh năm: 2002; ĐKTT: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre; Bùi Quang V1; sinh năm: 2002; ĐKTT: Số A, đường L, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Qua kiểm tra trong phòng phát hiện trên nệm trên nền gạch kích thước 1,6x2x0,2m, sát góc tường hướng Đông Nam có 01 (một) đĩa sứ màu trắng, đường kính 22cm, cao 2,5cm cách tường hướng Nam 65cm, cách tường hướng Đông 1,05m; trên đĩa sứ có chất bột màu trắng nghi là ma túy; 01 (một) thẻ card màu nâu có kích thước 9x5,5cm, có ghi chữ “MQEEN”; 01 (một) tờ tiền polymer Việt Nam đồng có mệnh giá 10.000 đồng được quấn lại dạng ống hút và được cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 (một) máy DJ màu xanh, đen có ghi chữ PIONEER DJ; 02 (hai) loa phát nhạc màu đen được chồng lên nhau; 02 (hai) đèn màu.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 22cm, cao 2,5 cm; 01 (một) thẻ card màu nâu, kích thước 9cm x 5,5cm, trên thẻ có ghi chữ “MQEEN”; 01 (một) tờ tiền polymer Việt Nam đồng mệnh giá 10.000 đồng được quấn lại dạng ống hút; Chất bột màu trắng nghi là ma túy được đựng trong túi nylon được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch màu xanh được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1; 01 (một) bàn DJ màu xanh, đen có ghi chữ PIONEER DJ; 02 (hai) loa phát nhạc màu đen; 02 (hai) đèn màu; 01 (một) điện thoại di động Iphone 13, màu hồng, số I: 350122330763615; 01 (một) điện thoại di động Iphone 11, màu đỏ, số Imei: 356863111655016; 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 pro max, màu cam, số I:

350981865732660; 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu xám, số Imei: 353890101871892.

Kiều Thị Kim Y và Lâm Thị Ngọc H1 khai nhận: chất bột màu trắng trong đĩa màu trắng là ma túy loại “khây”; Y và H1 có được do khoảng 07 giờ 05 phút ngày 05/02/2024 Y và H1 mua của Phùng Đức T5 ở Phòng E, nhà trọ Mai P1 5 với giá 1.500.000 đồng. H1 và Y thỏa thuận mỗi người trả 750.000 đồng. Sau khi mua được ma túy H1 lấy đĩa sứ, cho ma túy ra đĩa rồi dùng quẹt gas hơi nóng và lấy thẻ cà nhuỷễn ma túy. H1 lấy trong ngăn kéo bàn trang điểm của Y 01 tờ tiền polymer Việt Nam đồng mệnh giá 10.000 đồng quần lại dạng ống hút. Y dùng đầu lọc thuốc lá cố định tờ tiền. H1 dùng tiền quần ống hút để sử dụng ma túy trước, sau đó đưa cho Y sử dụng. Khoảng 08 giờ ngày 05/02/2024, Lê Thành L đến phòng trọ của Y thấy trên nệm có đĩa sứ, bên trong có ma túy, thẻ card và ống hút. Y và H1 kêu L sử dụng, L lấy đĩa ma túy sử dụng bằng cách hút. Khoảng 09 giờ 05 phút ngày 05/02/2024, Bùi Quang V1 đến phòng trọ của Y, thấy có đĩa sứ bên trong có ma túy, có ống hút và có thẻ card. V1 lấy đĩa ma túy và sử dụng bằng cách hút. Sau khi sử dụng ma túy, H1 và Y kêu V1 mang bàn DJ và loa đến để chỉnh nhạc và nghe nhạc. V1 mang bàn DJ và loa đến nhưng chưa sử dụng. Đến khoảng 10 giờ 05 phút cùng ngày thì bị Cơ quan điều tra Công an thành phố B phát hiện lập biên bản bắt quả tang.

Kết quả kiểm tra ma túy đối với Kiều Thị Kim Y, Lâm Thị Ngọc H1, Lê Thành L và Bùi Quang V1 kết quả tất cả bốn đối tượng nêu trên đều dương tính với ma túy loại Ketamine.

Trong lúc Kiều Thị Kim Y và các đối tượng trên sử dụng ma túy thì Ngô Bảo T9 không có trong phòng do đi làm từ 06 giờ sáng ngày 05/02/2024.

Kết luận giám định số 108A/2024/KL-KTHS ngày 07/02/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh B kết luận: Chất bột màu trắng đựng trong một túi nylon màu trắng được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,2661 gam. H3 lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B mẫu vật ký hiệu T1 sau giám định được niêm phong có khối lượng 0,2309 gam.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại Phòng E7 Nhà trọ M1 do Phùng Đức T5 thuê ở phát hiện thu giữ: 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh (bên trong rỗng); 01 (một) túi nylon màu trắng, hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh, bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 02 (hai) cân điện tử; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6, màu vàng đồng, số Imei: 358367067990300; 01 (một) quần vải ngắn màu đen, phía bên trái có thêu chữ “B” màu trắng do Phùng Đức T5 giao nộp; 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu cam, số Imei 353013095215493 do Phạm Trần Hồng N2 giao nộp.

Phùng Đức T5 khai nhận: khoảng 07 giờ 05 phút ngày 05/02/2024, Lâm Thị Ngọc H1 qua Phòng E7 gặp T5 hỏi “Có bán đồ không” (nghĩa là có bán ma túy dạng “Khây” không). T5 trả lời “01 chắm” (tiếng lóng của người sử dụng ma túy thể hiện đơn vị tính ma túy loại Ketamine) giá 1.500.000 đồng thì H1 đồng ý mua, H1 kêu T5 đem qua phòng và hẹn T5 hôm sau trả tiền. T5 điện thoại cho Trương Quốc K1, sinh

năm: 2001, ĐKTT: **ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng** qua tài khoản Zalo tên “Kiệt Lô” hỏi lấy “một chấm” với giá 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng). Khoảng 10 phút sau **K1** về Phòng E11, **Nhà trọ M1, T5** vào bên trong Phòng E11, **K1** lấy trong túi quần đang mặc ra 01 túi ma túy dạng khô đưa cho **T5**. **T5** đi qua Phòng E10 của **Kiều Thị Kim Y** và ném túi ma túy vào trong phòng. Sau đó, **T5** về phòng và nhờ **Phạm Trần Hồng N2** (bạn gái của **T5**), sinh năm: 2002, ĐKTT: **Số C, ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre** chuyển tiền trả cho **K1** số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) vào tài khoản số 0813308633 **Ngân hàng T14** (**T5** khai **T10** là bạn gái của **K1**) do **K1** nhấn qua tài khoản zalo trước đó. **T5** chỉ nói cho **N2** nhờ **N2** chuyển trả nợ dùm và không nói rõ là chuyển tiền với nội dung gì.

Đối với tinh thể màu trắng đựng trong túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh đã thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của **T5** là ma túy loại “Khô” do **T5** mua của một nam tên **H4** ở khu vực **quán Bar V2** (không rõ họ tên và nơi cư trú), **T5** mua trước đó khoảng một tuần với giá 1.500.000 đồng. Mục đích mua về để sử dụng, phần sử dụng còn dư thì **T5** đem cất giấu thì bị thu giữ.

Kết luận giám định số 108B/2024/KL-KTHS ngày 06/3/2024 của **Phòng K3 Công an tỉnh B** kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong một túi nylon màu trắng được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 0,9794 gam. **H3** lại Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** mẫu vật K1 sau giám định được niêm phong lại có khối lượng 0,8620 gam.

Về xử lý vật chứng: Ngày 05/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã ra Quyết định số 934/QĐ-ĐCSMT-MT xử lý vật chứng như sau: Trả cho **Phạm Trần Hồng N2** 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu cam, số Imei 353013095215493; Trả cho Cao Minh Ý 01 (một) bàn DJ màu đen ghi chữ PIONEER DJ XDJ-RX3; 02 (hai) loa phát nhạc màu đen ghi chữ ROXIT 5, 02 (hai) đèn chiếu thu tại Phòng E8; Trả cho **Bùi Quang V1** 01 (một) bàn DJ màu xanh, đen ghi chữ PIONEER DJ, 02 (hai) loa phát nhạc màu đen, 02 (hai) đèn màu, 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu xám, số Imei: 353890101871892; Trả cho **Lê Thành L** 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đỏ, **số I: 356863111655016**.

Đối với 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 23cm, cao 04cm; 01 (một) thẻ nhựa màu trắng trên thẻ có chữ BURRBERRY; 01 (một) tờ tiền polymer Việt Nam đồng mệnh giá 10.000 đồng được quấn lại dạng ống hút; 01 (một) đĩa sứ màu trắng, đường kính 15cm, cao 2,5cm; 01 (một) thẻ nhựa màu cam, trên thẻ có chữ **A2**; 01 (một) ống hút nhựa màu đen dài 12cm; 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín 3 phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh, bên trong rỗng, kích thước 4,5cm x 04cm (Phòng E7); 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 22cm, cao 2,5 cm; 01 (một) thẻ card màu nâu kích thước 9cm x 5,5cm, trên thẻ có ghi chữ “MQUEEN”; 01 (một) tờ tiền polymer Việt Nam đồng mệnh giá 10.000 đồng (Phòng E10); **01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, số Imei: 3556087026316401 của Trần Thị Kim T2**; **01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 pro max màu đen, số Imei: 355975762561615 của Trần Thanh Đ**; 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh, bên trong rỗng, 02 (hai) cân điện

tử, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, 01 (một) quần vải ngắn màu đen, phía bên trái có thêu chữ “B” màu trắng của Phùng Đức T5; 01 (một) điện thoại di động Iphone 13, màu hồng, số Imei: 350122330763615 của Lâm Thị Ngọc H1; 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 pro max, màu cam, số I: 350981865732660 của Kiều Thị Kim Y chưa xử lý.

Quá trình điều tra, Trần Thị Kim T2, Trần Thanh Đ khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của Nguyễn Văn K, Chế Hòa T11, Lê Văn C1, Nguyễn Thị Thanh N1, Hồ Thị Ngọc O, Trần Thị Tường V vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Quá trình điều tra, Kiều Thị Kim Y, Lâm Thị Ngọc H1 khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của Lê Thành L, Bùi Quang V1, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Quá trình điều tra, Phùng Đức T5 khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với Biên bản khám xét, lời khai của Lâm Thị Ngọc H1, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKSTPBT ngày 01/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo: Trần Thị Kim T2, Trần Thanh Đ, Kiều Thị Kim Y, Lâm Thị Ngọc H1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự; Phùng Đức T5 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Thị Kim T2 từ 07 đến 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Thanh Đại t 07 đến 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Kiều Thị Kim Y từ 07 đến 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lâm Thị Ngọc H1 từ 07 đến 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phùng Đức T5 từ 02 năm đến 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Về hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định số 934/QĐ-ĐCSMT-MT xử lý vật chứng như sau: Trả cho Phạm Trần Hồng N2 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu cam, số Imei 353013095215493; Trả cho Cao Minh Ý 01 (một) bàn DJ màu đen ghi chữ PIONEER DJ XDJ-RX3; 02 (hai) loa phát nhạc màu đen ghi chữ ROXIT 5, 02 (hai) đèn chiếu thu tại Phòng E8; Trả cho Bùi Quang V1 01 (một) bàn DJ màu xanh, đen ghi chữ PIONEER DJ, 02 (hai) loa phát nhạc màu đen, 02 (hai) đèn màu, 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu xám, số Imei: 353890101871892; Trả cho Lê Thành L 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đỏ, số I: 356863111655016.

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 23cm, cao 04cm; 01 (một) thẻ nhựa màu trắng trên thẻ có chữ BURRBERRY; 01 (một) đĩa sứ màu trắng, đường kính 15cm, cao 2,5cm; 01 (một) thẻ nhựa màu cam, trên thẻ có chữ A2; 01 (một) ống hút nhựa màu đen dài 12cm; 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín 3 phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch màu xanh, bên trong rỗng, kích thước 4,5cm x 04cm (Phòng E8); 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 22cm, cao 2,5 cm; 01 (một) thẻ card màu nâu kích thước 9cm x 5,5cm, trên thẻ có ghi chữ “MQUEEN” (Phòng E10); 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch màu xanh, bên trong rỗng, 02 (hai) cân điện tử; 01 (một) quần vải ngắn màu đen, phía bên trái có thêu chữ “B” màu trắng (của Phòng Đức T12).

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 02 (hai) tờ tiền polymer Việt Nam đồng mệnh giá 10.000 đồng được quần lại dạng ống hút; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng đồng của Phùng Đức T5.

Trả lại cho: Trần Thị Kim T2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen; Trần Thanh Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 pro max màu đen; Lâm Thị Ngọc H1 01 (một) điện thoại di động Iphone 13, màu hồng; Kiều Thị Kim Y 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 pro max, màu cam.

Buộc bị cáo Lâm Thị Ngọc H1; Kiều Thị Kim Y liên đới giao nộp số tiền mua ma túy là 1.500.000 đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn C1 khai nhận: sự việc anh sử dụng ma túy ở phòng của T2 như cáo trạng đã nêu. Anh có sử dụng ma túy ở phòng của T, ma túy là của Đ mang theo, khi Đ mang ma túy theo thì anh không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chế Hoài T6 khai nhận: sự việc anh sử dụng ma túy ở phòng của T2 như cáo trạng đã nêu. Anh có sử dụng ma túy ở phòng của T, ma túy là của Đ mang theo, khi Đ mang ma túy theo thì anh không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Trần Thị Tường V** khai nhận: sự việc chị sử dụng ma túy ở phòng của **T2** như cáo trạng đã nêu. Chị có sử dụng ma túy ở phòng của **T**, ma túy là của **Đ** mang theo, khi **Đ** mang ma túy theo thì anh không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị Thanh N1** khai nhận: sự việc chị sử dụng ma túy ở phòng của **T2** như cáo trạng đã nêu. Chị có sử dụng ma túy ở phòng của **T**, ma túy là của **Đ** mang theo, khi **Đ** mang ma túy theo thì anh không biết. Do chị chưa có chỗ ở nên chị đến ở chung với Tho trước sự việc này vài ngày, phòng là của **T2** chứ không phải của chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Lê Thành L** khai nhận: sự việc anh sử dụng ma túy ở phòng của **Y** như cáo trạng đã nêu. Anh có sử dụng ma túy ở phòng của **Y**, khi anh vào phòng đã thấy có ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy nhưng không biết của ai, anh tự lấy sử dụng **Y** và **H1** không có ngăn cản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Bùi Vinh Q1** khai nhận: sự việc anh sử dụng ma túy ở phòng của **Y** như cáo trạng đã nêu. Anh có sử dụng ma túy ở phòng của **Y**, khi anh vào phòng đã thấy có ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy nhưng không biết của ai, anh tự lấy sử dụng **Y** và **H1** không có ngăn cản.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Ngô Bảo T9** khai nhận: sự việc bị cáo **Y**, bị cáo **H1** tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ở phòng của Y nên anh không biết và không có liên quan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Phạm Quốc T8** khai nhận: sự việc bị cáo **T2**, bị cáo **Đ** tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ở phòng của Tho anh không biết và không có liên quan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Phạm Trần Hồng N2** khai nhận: chị là bạn gái bạn gái của bị cáo **T5**, sống chung phòng với **T5** nhưng chị không biết **T5** mua bán trái phép chất ma túy. **T5** có nhờ chị chuyển tiền như cáo trạng đã nêu nhưng chị không biết là tiền gì vì ngày đó chị không có ở phòng mà đang đi làm ở Trà Vinh.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **công an thành phố B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, có vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ 05 phút ngày 05/02/2024, tại Nhà trọ M1 ở Ấp B, xã B, thành phố B do chị Mai Thị T7 làm chủ, Trần Thị Kim T2, Trần Thanh Đ, Kiều Thị Kim Y, Lâm Thị Ngọc H1 và Phùng Đức T5 thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Trần Thị Kim T2 có hành vi cung cấp địa điểm là phòng E8 nhà trọ Mai P1 5 do T2 thuê để ở và công cụ sử dụng ma túy; Trần Thanh Đ cung cấp ma túy loại Ketamine để T2, Đ và 06 người là Trần Thị Tường V, Lê Văn C1, Hồ Thị Ngọc O, Nguyễn Văn K, Chế Hòa T11, Nguyễn Thị Thanh N1 sử dụng.

Kiều Thị Kim Y có hành vi sử dụng địa điểm phòng E10 nhà trọ Mai P1 5 là nơi Y thuê để ở và cùng với Lâm Thị Ngọc H1 hùn tiền mua ma túy loại Ketamine để cùng với Bùi Quang V1, Lê Thành L sử dụng.

Phùng Đức T5 có hành vi bán trái phép chất ma túy loại Ketamine cho Lâm Thị Ngọc H1 sử dụng và cho người khác sử dụng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết việc tổ chức sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo T2, Đ, Y, H1 vẫn cố ý tổ chức cho nhiều người sử dụng ma túy loại Ketamine. Bị cáo T5 01 lần bán ma túy loại Ketamine cho Y. Vì vậy, Cáo trạng truy tố Trần Thị Kim T2, Trần Thanh Đ, Kiều Thị Kim Y, Lâm Thị Ngọc H1 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 255 Bộ luật Hình sự; Phùng Đức T5 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường của con người, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng ngày 05/7/2024 đã bị Công an thành phố B xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; ngoài ra năm 2022 Trần Thanh Đ còn bị xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo được hưởng là “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo T2 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Có nghĩa vụ nuôi con nhỏ”; bị cáo T5 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Đã có thời gian phục vụ trong quân đội và được tặng thưởng giấy khen trong công tác phòng chống dịch Covid”; bị cáo Y được hưởng thêm tình tiết “Là lao động chính trong gia đình” theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, xét

thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Về vai trò đồng phạm thì bị cáo **T2** đồng phạm với bị cáo **D**; bị cáo **Y** đồng phạm với bị cáo **H1**; tính chất đồng phạm của các bị cáo giản đơn, các bị cáo với vai trò người thực hành nên cần xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã ra Quyết định số 934/QĐ-ĐCSMT-MT xử lý vật chứng như sau: Trả cho **Phạm Trần Hồng N2** 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu cam, số Imei 353013095215493; Trả cho Cao Minh Ý 01 (một) bàn DJ màu đen ghi chữ PIONEER DJ XDJ-RX3; 02 (hai) loa phát nhạc màu đen ghi chữ ROXIT 5, 02 (hai) đèn chiếu thu tại Phòng E8; Trả cho **Bùi Quang V1** 01 (một) bàn DJ màu xanh, đen ghi chữ PIONEER DJ, 02 (hai) loa phát nhạc màu đen, 02 (hai) đèn màu, 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 màu xám, số Imei: 353890101871892; Trả cho **Lê Thành L** 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu đỏ, **số I**: 356863111655016.

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 23cm, cao 04cm; 01 (một) thẻ nhựa màu trắng trên thẻ có chữ BURRBERRY; 01 (một) đĩa sứ màu trắng, đường kính 15cm, cao 2,5cm; 01 (một) thẻ nhựa màu cam, trên thẻ có chữ **A2**; 01 (một) ống hút nhựa màu đen dài 12cm; 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín 3 phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh, bên trong rỗng, kích thước 4,5cm x 04cm (Phòng E8); 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 22cm, cao 2,5 cm; 01 (một) thẻ card màu nâu kích thước 9cm x 5,5cm, trên thẻ có ghi chữ “MQUEEN” (Phòng E10); 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh, bên trong rỗng, 02 (hai) cân điện tử; 01 (một) quần vải ngắn màu đen, phía bên trái có thêu chữ “B” màu trắng (của **Phòng Đức T12**).

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 01 (một) tờ tiền polymer Việt Nam đồng mệnh giá 10.000 đồng được quần lại dạng ống hút; 01 (một) tờ tiền polymer Việt Nam đồng mệnh giá 10.000 đồng được quần lại dạng ống hút và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng đồng của **Phòng Đức T5** dùng để liên hệ mua bán ma túy.

Đối với 01 (một) điện thoại **di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen** của **Trần Thị Kim T2**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 pro max màu đen, số Imei: **355975762561615** của **Trần Thanh Đ**; 01 (một) điện thoại di động Iphone 13, màu hồng, số Imei: 350122330763615 của **Lâm Thị Ngọc H1**; 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 pro max, màu cam, số Imei: 350981865732660 của **Kiều Thị Kim Y** không liên quan đến hành vi phạm vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

Buộc bị cáo **Lâm Thị Ngọc H1**; **Kiều Thị Kim Y** liên đới giao nộp số tiền mua ma túy là 1.500.000 đồng để nộp Ngân sách nhà nước trong đó phần mỗi bị cáo là 1/2.

[8] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo **T5** và làm rõ nguồn gốc ma túy mà bị cáo **Đ** đã cung cấp để các đối tượng sử dụng để xử lý theo thẩm quyền.

Việc các bị cáo có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và các bị cáo cùng với các đối tượng khác có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” đã bị **Công an thành phố B** xử phạt hành là phù hợp nên ghi nhận.

Đối với **Phạm Quốc T8**, **Ngô Bảo T9**, **Phạm Trần Hồng N2** là người sống chung ở Phòng E7, E8, E10 nhưng Cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được có liên quan đến hành vi phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với **Chế Hoài T6**, **Nguyễn Văn K**, **Lê Văn C1** cung **Đ** đến phòng của **T2** để sử dụng ma túy và **C1** là người rủ **Trần Thị Tường V** đến phòng của **T2** nhưng Cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được **T6**, **K**, **C1** có liên quan đến hành vi phạm tội nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với **Trương Quốc K1** là người mà **T5** khai đã bán ma túy cho **T5** nhưng **K1** không thừa nhận và cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được **K1** là người bán ma túy cho **T5** nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với chị **Mai Thị T7** là đại diện hộ kinh doanh xây dựng **Mai P1** và là chủ nhà trọ **Mai P1** 5 là nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng chị **T7** không biết và không có liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan có thẩm quyền không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, chị **T7** đã thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý lưu trú để các đối tượng “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy” ở **nhà trọ M1** đã bị Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố B** ra Quyết định xử phạt hành chính hình thức phạt tiền 15.000.000 đồng là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp đề nghị áp dụng là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: **Trần Thị Kim T2**, **Trần Thanh Đ**, **Kiều Thị Kim Y**, **Lâm Thị Ngọc H1** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; **Phùng Đức T5** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.1 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Thị Kim T2** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2024.

1.2 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Thanh Đ.** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2024.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Kiều Thị Kim Y** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2024.

1.4 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Lâm Thị Ngọc H1** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2024.

1.5 Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phùng Đức T5** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2024.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 107/2024 có chữ ký ghi tên **Phạm Hải N3**, **Nguyễn Ngọc M** và hình dấu tròn màu đỏ của **Phòng K3 Công an tỉnh B** và phong bì số 108/2024 có chữ ký ghi tên **Phạm Hải N3**, **Phan Trung T13**, **Nguyễn Ngọc M** và hình dấu tròn màu đỏ của **Phòng K3 Công an tỉnh B**; 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 23cm, cao 04cm; 01 (một) thẻ nhựa màu trắng trên thẻ có chữ BURRBERRY; 01 (một) đĩa sứ màu trắng, đường kính 15cm, cao 2,5cm; 01 (một) thẻ nhựa màu cam, trên thẻ có chữ **A2**; 01 (một) ống hút nhựa màu đen dài 12cm; 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín 3 phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh, bên trong rỗng, kích thước 4,5cm x 04cm (Phòng E8); 01 (một) đĩa sứ màu trắng đường kính 22cm, cao 2,5 cm; 01 (một) thẻ card màu nâu kích thước 9cm x 5,5cm, trên thẻ có ghi chữ “MQUEEN” (Phòng E10); 01 (một) túi nylon màu trắng hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh, bên trong rỗng, 02 (hai) cân điện tử; 01 (một) quần vải ngắn màu đen, phía bên trái có thêu chữ “B” màu trắng (của **Phùng Đức T5**).

Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước: 02 (một) tờ tiền polymer Việt Nam đồng mệnh giá 10.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6, màu vàng đồng, **số I: 358367067990300**.

Trả lại cho **Trần Thị Kim T2** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, **số I: 355608702631640L**.

Trả lại cho **Trần Thanh Đ** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 pro max màu đen, **số I: 355975762561615**.

Trả lại cho **Lâm Thị Ngọc H1** 01 (một) điện thoại di động Iphone 13, màu hồng, **số I: 350122330763615**.

Trả lại cho **Kiều Thị Kim Y** 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 pro max, màu cam, **số I**: 350981865732660.

Buộc bị cáo **Kiều Thị Kim Y**, **Lâm Thị Ngọc H1** liên đới nộp số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng để nộp Ngân sách nhà nước trong đó phần mỗi bị cáo là 1/2.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/8/2024).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo **Trần Thị Kim T2**, **Trần Thanh Đ**, **Kiều Thị Kim Y**, **Lâm Thị Ngọc H1**, **Phùng Đức T5** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Bình Thạnh, TP Cao Lãnh, T.ĐT (1b);
- UBND xã Tân Thủy, H. Ba Tri (1b);
- UBND xã Mỹ Thành Nam, TX.Cai Lậy, T.TG(1b);
- UBND xã Phú Túc, H. Châu Thành, T.BT (1b);
- UBND P. Phú Khương, TP BT (1b);
- Bị cáo (5b);
- NCQLNVLQ (13b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (15b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình